

Bản án số: **423/2018/HS-PT**

Ngày: 20/7/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Quang Huy

Các Thẩm phán: Ông Phạm Năng Thành

Ông Phan Huy Cương

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Hải - *Thư ký Toà án;*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hà - *Kiểm sát viên.*

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 317/2018/TLPT-HS ngày 16/5/2018 đối với bị cáo: Trần Ngọc T và Lê Văn N do có kháng cáo của bị cáo Lê Văn N và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2018/HS-ST ngày 04/4/2018 của Tòa án nhân dân Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội:

*** Bị cáo bị kháng nghị: Trần Ngọc T**, sinh năm 1986, tại Hà Nội; Nơi cư trú: Tổ 2, phường T.T, quận LB, thành phố Hà Nội; Giới tính: nam; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần N.L và bà Nguyễn Thị L; Vợ là: Quách Thị Thanh Ng và có 01 con (sinh năm 2014); Tiền án: chưa có; Tiền sự: chưa có; Bị bắt từ ngày 28/9/2017; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an TP. Hà Nội; có mặt.

*** Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị: Lê Văn N**, sinh năm 1987, tại Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn CL, xã CD, Huyện Th.T, thành phố Hà Nội; Giới tính: nam; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn H và bà Trịnh Thị Th; Chưa có vợ và chưa có con; Tiền án: chưa có; Tiền sự: chưa có; Hiện đang tại ngoại; có mặt.

*** Bị hại: Anh Trần Ngọc H**, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn GK, xã NT, Huyện Th.T, TP. Hà Nội; không kháng cáo; vắng mặt.

*** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- **Chị Nguyễn Thị HL;** sinh năm 1972; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã QĐ, Huyện Th.T, TP. Hà Nội; không kháng cáo; vắng mặt.

- **Anh Trần Ngọc Lh;** sinh năm 1983; Nơi cư trú: Tổ 2, phường T.T, quận LB, TP Hà Nội; không kháng cáo; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 23/3/2017, Lê Văn N và Nguyễn Đăng S đang ngồi uống nước và hát karaoke tại quán Café 39 ở thôn ĐQ, xã QĐ, Huyện Th.T, TP. Hà Nội. Lúc đó ở bàn bên cạnh có Trần Ngọc H, Nguyễn Xuân Tg, Trần Tuấn A đang ngồi uống nước. Khi chọn bài để hát karaoke, giữa Tg và S đã xảy ra mâu thuẫn, Tg giằng micro từ tay S làm micro đập vào mặt S khiến S bị thương chảy máu ở mi mắt. Thấy vậy N đưa S ra cửa quán, đồng thời gọi điện cho em ruột là Lê Văn G đến quán café 39, G đồng ý và rủ Trần Ngọc T, Nguyễn ML và Lưu Văn C đi cùng. Khi đi gần đến cầu chui đường cao tốc thì G, T, ML, C gặp N chở S đi ngược chiều rồi tất cả cùng quay lại quán café 39. Khi tới quán café 39, N, T và G vào quán, còn ML và C chở S về nhà. G hỏi Tg “Tại sao đánh anh S?” thì Tg nói “Em có đánh đâu em chỉ giằng co micro thôi”. Lúc này, G, N, T đi ra ngoài cửa còn Tg, H đứng dậy đi về. Tg cầm một chiếc điều cày ở trong quán đi ra đến đầu hành lang rồi dựng chiếc điều cày ở cạnh tường và đi ra cửa quán, lúc đó gặp Tuấn A đi vào. Tuấn A và H đi vào quầy thanh toán còn Tg đợi ở bên ngoài. G thấy Tg đi ra cửa quán nên đã đến gặp Tg, bắt Tg phải xin lỗi S, tuy nhiên Tg không đồng ý. G tiếp tục nói “Bây giờ ông thích làm sao” thì bất ngờ Tg cầm chiếc điều cày để gần đó vụt về phía G, G đưa tay ra đỡ. Thấy vậy N liền lao vào giằng điều cày vụt vào mặt Tg khiến Tg ngã vào chiếc xe máy đang dựng trước cửa quán. Sau đó, N, T và G cùng lao vào đánh Tg. Lúc này H từ trong quán đi ra thấy Tg bị đánh liền chạy vào quán lấy một vỏ chai bia lao ra đập vào mặt T làm T bị chảy máu, G lao vào can thì bị H cầm chai thủy tinh vỡ đâm vào tay chảy máu. Lúc này, T cúi xuống cầm 01 viên gạch ném về phía H trúng vào thái dương và đỉnh trái đầu H, đồng thời N cầm điều cày đã chồm dậy vụt vào mặt H, làm H bị choáng ngã gục xuống đường. T và N tiếp tục lao vào đánh Tg, Tg bỏ chạy về phía UBND xã Quất Động, còn H được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Nông nghiệp.

Ngày 26/5/2017, Cơ quan CSĐT - Công an Huyện Thường Tín đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 145/QĐ-CQĐT đối với thương tích của anh Trần Ngọc H. Ngày 26/6/2017, Viện khoa học hình sự - Bộ Công an có Kết luận giám định số 2686/C54 –TT1, kết luận tổn hại sức khỏe của anh H như sau: Sẹo vùng trán không ảnh hưởng chức năng và thẩm mỹ: 02%; Sẹo vùng đỉnh trái không ảnh hưởng chức năng và thẩm mỹ: 02%; Sẹo vùng thái dương trái không ảnh hưởng chức năng và thẩm mỹ: 03%; Vỡ xương thái dương trái chiều dài dương 3cm: 08%; Tụ máu ngoài màng cứng thái dương trái và chảy máu màng mềm thái dương phải đã điều trị không còn di chứng thần kinh: 25%; Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể quy định tại Thông tư

20/2014/TT-BYT ngày 12.6.2014 của Bộ y tế, xác định tổng tỷ lệ % tổn thương cơ thể của anh Trần Ngọc H tại thời điểm giám định là 36%. Các tổn thương của anh Trần Ngọc H do vật tày gây nên.

Đối với Trần Ngọc T, Nguyễn Đăng S, Lê Văn G, Nguyễn Xuân Tg bị thương tích do trong quá trình va chạm, đánh nhau, nhưng T, S, G, Tg đều từ chối giám định thương tích và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho người gây thương tích cho mình nên Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an Huyện Thường Tín đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với Tg và H.

Tang vật thu giữ gồm: 01 chiếc điều cày bằng tre bị đập, vỡ thu giữ tại hiện trường. Đối với viên gạch T đã dùng để ném H gây thương tích, Cơ quan CSĐT – Công an Huyện Thường Tín đã truy tìm nhưng không thấy.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo Trần Ngọc T đã bồi thường cho anh Trần Ngọc H số tiền 50.000.000 đồng; Lê Văn N đã bồi thường cho anh Trần Ngọc H số tiền 40.000.000 đồng; anh H đã nhận đủ số tiền và không có ý kiến thắc mắc gì. Chị Nguyễn Thị HL (là chủ quán café 39) không có yêu cầu bồi thường và thắc mắc gì.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2018/HS-ST ngày 04/4/2018 của Tòa án nhân dân Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Trần Ngọc T và Lê Văn N phạm tội Cố ý gây thương tích; Áp dụng khoản 3 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 (*nay là khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015*); Xử phạt: Trần Ngọc T 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/9/2017; Xử phạt: Lê Văn N 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án. Bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo (*các nội dung này không có kháng cáo và không bị kháng nghị*).

Sau khi xét xử sơ thẩm: Bị cáo Lê Văn N có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo ngoài địa phương. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có kháng nghị số 08/QĐ-VKSHN ngày 03.5.2018 đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo Trần Ngọc T và Lê Văn N, đồng thời kháng nghị về phần căn cước (nơi cư trú) của bị cáo Lê Văn N do Bản án sơ thẩm ghi nơi cư trú của bị cáo N chưa chính xác.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị cáo N giữ nguyên kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo tự cải tạo ngoài xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có kháng nghị trong thời hạn luật định và bị cáo có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên kháng nghị, kháng cáo là hợp lệ cần được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Về nội dung: Bản án sơ thẩm kết án các bị cáo về tội Cố ý gây thương tích là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T 30 tháng tù, xử phạt bị cáo N 24 tháng tù là phù hợp với tính chất mức độ tội phạm của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm có tình tiết mới là chính quyền

địa phương nơi các bị cáo cư trú có văn bản xác nhận các bị cáo chấp hành tốt pháp luật, đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đồng thời xét các quy định tại khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là quy định có lợi hơn cho người phạm tội so với Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó tại cấp phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội rút một phần kháng nghị về phần hình phạt đối với các bị cáo, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét kháng nghị về phần căn cước của bị cáo N, đề nghị sửa án sơ thẩm về phần căn cước (nơi cư trú) của bị cáo N cho chính xác, bảo đảm việc thi hành án. Đề nghị, Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, các điểm b và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử giữ nguyên mức hình phạt đối với hai bị cáo, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo N về việc xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2018/HS-ST ngày 04/4/2018 của Tòa án nhân dân Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội được ban hành đúng thẩm quyền, đúng thời hạn luật định; Kháng cáo của bị cáo Lê Văn N được làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định của pháp luật về chủ thể kháng cáo, hình thức và nội dung đơn kháng cáo theo quy định của pháp luật. Do vậy, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội và kháng cáo của bị cáo N là hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về hành vi của các bị cáo, tội danh và điều luật áp dụng:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với vật chứng của vụ án và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ mâu thuẫn trong việc hát Karaoke, khoảng 21 giờ ngày 23/3/2017, tại quán café 39 ở thôn ĐQ, xã QĐ, Huyện Th.T, TP. Hà Nội, Trần Ngọc T đã có hành vi dùng gạch ném vào thái dương đỉnh đầu bên trái của Trần Ngọc H; Lê Văn N đã có hành vi dùng điều cày vọt vào trán anh H. Hậu quả hành vi của các bị cáo đã gây tổn thương cơ thể cho anh H với tỷ lệ 36%.

Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ nhưng đã dùng gạch và điều cày (*là hung khí nguy hiểm*) để tấn công, gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ 36%, do đó Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo phạm tội Cố ý gây thương tích là có căn cứ và đúng pháp luật.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy: Hành vi của các bị cáo được thực hiện khi Bộ luật Hình sự năm 1999 có hiệu lực nhưng đối chiếu các quy định của khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 (*có mức hình phạt cao nhất đến 15 năm tù*) với các quy định tại khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*có mức hình phạt cao nhất đến 10 năm tù*) thì các quy định tại khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 là quy định có lợi hơn cho người phạm tội. Do đó, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải áp dụng khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm b Điều 2 Nghị quyết 41/2017/NQ14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội để từ đó áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xét xử các bị cáo mới đúng pháp luật. Nhưng Bản án sơ thẩm vừa viện dẫn khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 vừa viện dẫn khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử các bị cáo là không phù hợp với quy định của pháp luật, mặt khác Bản án sơ thẩm không chỉ rõ các bị cáo phạm vào điểm nào của khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 là chưa đúng. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm về căn cứ điều luật áp dụng.

Ngoài ra, trong phần quyết định của Bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự để quyết định về xử lý vật chứng cũng là chưa chính xác về điều luật áp dụng để xử lý vật chứng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, nhưng nội dung này không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ nêu ra để Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[2.2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội và kháng cáo của bị cáo Lê Văn N:

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm sức khỏe của người khác, gây mất trật tự trị an, gây lo lắng cho nhân dân, vi phạm luật hình sự. Xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, các bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại, khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, thành khẩn nhận tội, đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại, bị hại cũng có một phần lỗi, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, các bị cáo đều đã có thời gian tham gia quân đội để từ đó giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, xử các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và xử phạt bị cáo T mức án 30 tháng tù, xử phạt bị cáo N mức án 24 tháng tù là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội rút một phần kháng nghị về nội dung yêu cầu tăng hình phạt đối với hai bị cáo T và N, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên mức hình phạt mà Bản án sơ thẩm đã tuyên. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy: Do đại diện Viện kiểm sát rút một phần kháng nghị về việc tăng hình phạt đối với hai bị cáo T và N nên căn cứ Điều 348, điểm d khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng nghị này của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội. Phần quyết định của Bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo T không có kháng cáo, kháng nghị nào

khác nên có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm tiếp tục xem xét các nội dung khác có kháng cáo, kháng nghị.

Xét kháng cáo của bị cáo N xin được giảm mức hình phạt và xin được hưởng án treo, tự cải tạo ngoài xã hội, Hội đồng xét xử xét thấy: Khi bị cáo N và anh S hát Karaoke có mâu thuẫn với nhóm của anh H, anh Tg, anh Tuấn A lẽ ra phải bình tĩnh giải quyết, nhưng bị cáo N lại gọi thêm người đến giải quyết mâu thuẫn, gây căng thẳng giữa hai bên từ đó dẫn đến xô xát. Khi có xô xát, bị cáo N là người tham gia tích cực, dùng điều cây vút vào mặt anh H, đồng thời ngoài gây thương tích cho anh H, bị cáo còn tham gia đánh anh Tg (*nhưng do anh Tg từ chối giám định thương tích nên bị cáo không bị xử lý về hành vi này*), hành vi của bị cáo thể hiện tính côn đồ. Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, thành khẩn khai báo, đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại, bị hại cũng có một phần lỗi, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo đã có thời gian tham gia quân đội để từ đó áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xử phạt bị cáo 24 tháng tù (dưới mức thấp nhất của khung hình phạt) là thỏa đáng. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo.

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội về nội dung yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm về phần căn cước (nơi cư trú) của bị cáo N, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy: Theo lý lịch bị can, các biên bản ghi lời khai, bản tường trình, Lê Văn N có địa chỉ nơi cư trú là: Thôn CL, xã CD, Huyện Th. T, TP. Hà Nội. Tại Bản án sơ thẩm phần căn cước của bị cáo N ghi: “*Nơi cư trú: Thôn CD, xã CD, huyện Th. T, TP. Hà Nội*”. Bản án sơ thẩm ghi nơi cư trú bị cáo như trên là chưa chính xác. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sửa Bản án sơ thẩm về nội dung này.

[3]. Về các nội dung khác:

Về án phí: Do Bản án sơ thẩm bị sửa nên bị cáo N không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 343 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Điều 348; điểm b và đ khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1 - Đình chỉ xét xử một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2018/HS-ST ngày 04/4/2018 của Tòa án nhân dân Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội về yêu cầu tăng hình phạt của hai bị cáo Trần Ngọc T và Lê Văn N.

2 - Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội về việc yêu cầu sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2018/HS-ST ngày 04/4/2018 của Tòa án nhân dân Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, về phần căn cước của bị cáo Lê Văn N.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2018/HS-ST ngày 04/4/2018 của Tòa án nhân dân Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, về phần căn cước của bị cáo Lê Văn N cụ thể như sau: *"Nơi cư trú: Thôn CL, xã CD, huyện Th. T, thành phố Hà Nội"*.

3 - Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn N về việc xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2018/HS-ST ngày 04/4/2018 của Tòa án nhân dân Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội về phần hình phạt đối với hai bị cáo Trần Ngọc T và Lê Văn N.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2018/HS-ST ngày 04/4/2018 của Tòa án nhân dân Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, về điều luật áp dụng, cụ thể như sau:

- Áp dụng: điểm c khoản 3 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*); Áp dụng điểm b Điều 2 Nghị quyết 41/2017/NQ14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, đối với hai bị cáo.

- Xử phạt bị cáo: Trần Ngọc T 30 (*ba mươi*) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Thời hạn tù tính từ ngày 28 tháng 9 năm 2017.

- Xử phạt bị cáo: Lê Văn N 24 (*hai mươi bốn*) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

4 - Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm về xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Trại tạm giam số 1 - CAHN;
- TAND Huyện Thường Tín
- VKSND Huyện Thường Tín
- Chi cục THADS Huyện Thường Tín
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác.
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VŨ QUANG HUY

